Vũ Thị Thu
Cúc
Giờ ký:
2017.07.24
08:21:01
+07:00

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
15	Máy quét A3 Plustek SN 8016U	529247000704	Trung Quốc		2014	IDA	1	65.000.000	65.000.000		65.000.000			39.000.000
16	Máy quét Plustek SN8016U	52924A000378	Trung Quốc		2015	IDA	1	64.500.000	64.500.000		64.500.000			38.700.000
17	Đầu đọc mã vạch đa tia	ATS1400	Taiwan		2015	IDA	1	5.707.900	5.707.900		5.707.900			4.566.320
18	Hệ thống xếp hàng tự động	SmartQMAN	Việt Nam		2015	IDA	1	9.900.000	9.900.000		9.900.000			7.920.000
19	Máy trạm Workstation HP Z210 Workstations	HP Z210	Trung Quốc		2012	IDA	6	27.976.930	167.861.579		167.861.579			67.144.631
20	Bảng hiển thị trung tâm: QMAN-CDU-7s	QMAN-CDU-7s	Việt Nam			IDA	1	10.798.700	10.798.700		10.798.700			8.638.960
21	Bảng hiển thị tại quầy	QMAN-SDU-7s	Việt Nam			IDA	5	5.296.500	26.482.500		26.482.500			21.186.000
22	Bàn phím điều khiển tại quầy	QMAN-SCU-CB6	Việt Nam			IDA	5	4.216.300	21.081.500		21.081.500			16.865.251
23	Bàn phím bầu chọn chất lượng phục vụ	QMAN-SVU-VB6	Việt Nam		2015	IDA	5	3.187.800	15.939.000		15.939.000			12.751.200
24	Bộ chia tín hiệu splitter	Splitter110	Việt Nam		2015	IDA	2	4.268.000	8.536.000		8.536.000			6.828.800
25	Trạm cấp vé tự động	QMAN-TBU-M15	Việt Nam		2015	IDA	1	43.093.600	43.093.600		43.093.600			34.474.880

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
26	Âm thanh: Microlab X2	Microlab X2	Trung Quốc		2015	IDA	1	9.181.700	9.181.700		9.181.700			7.345.360
27	Vật tư lắp đặt		Việt Nam		2015	IDA	1	3.496.900	3.496.900		3.496.900			2.797.520
28	Hệ điều hành : Microsoft Windows Server 2008 R2		USA		2015	IDA	1	47.887.150	47.887.150		47.887.150			19.154.860
29	Phần mềm điều khiển hệ thống	XPSuite 1.7.3	Việt Nam		2015	IDA	1	18.481.245	18.481.245		18.481.245			14.784.996
V	**Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tiên Lữ**					IDA	**48**		**1.285.782.165**		**1.285.782.165**	-	-	**678.043.432**
1	Máy tính để bàn điều khiển hệ thống : FPT ELEAD T125i	T125i	Việt Nam		2015	IDA	1	15.741.000	15.741.000		15.741.000			12.592.800
2	Máy tính xách tay HP Probook 4431s	CNU2112ZPX	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	31.348.914	31.348.914		31.348.914			12.539.565
3	Máy photocopy A3: Canon 2525	Canon IR2525	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	76.776.777	76.776.777		76.776.777			30.710.712
4	Lưu điện cho máy chủ APC Smart -UPS 3000VA	APC/ SUA3000RMI2 U	Philippines		2012	IDA	1	22.293.579	22.293.579		22.293.579			8.917.431

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
5	Điều hòa không khí LG S18EN1 18200 BTU	LG S18EN1	Thái Lan	2011	2012	IDA	2	13.414.632	26.829.264		26.829.264			10.731.705
6	Máy in A3 HP LaserJet 5200 printer	HP LaserJet 5200	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	28.082.304	28.082.304		28.082.304			11.232.921
7	Máy in A4 HP LaserJet P2055dn Printer	P2055dn	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	9.510.049	9.510.049		9.510.049			3.804.019
8	Bộ định tuyến cho Huyện Cisco 888 Router	Cisco 888 Router	Trung Quốc	2012	2012	IDA	1	16.031.785	16.031.785		16.031.785			6.412.714
9	Thiết bị chuyển mạch 24 cổng cho huyện : Cisco Catalýt 2960-S	Cisco Catalýt 2960-S	Trung Quốc	2012	2012	IDA	1	57.256.375	57.256.375		57.256.375			22.902.550
10	Tủ rack và thiết bị điều khiển máy chủ cho huyện		Việt Nam	2012	2012	IDA	1	59.546.630	59.546.630		59.546.630			23.818.652
11	Máy chủ cơ sở dữ liệu dự phòng cho huyện: HP ProLiant DL380	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	1	125.964.025	125.964.025		125.964.025			50.385.610
12	Máy chủ cơ sở dữ liệu cho huyện : HP ProLiant	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	1	125.964.025	125.964.025		125.964.025			50.385.610

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
13	Máy in mã vạch Sato CG412	Sato CG412	Việt Nam	2011	2012	IDA	1	16.353.664	16.353.664		16.353.664			6.541.565
14	Máy toàn đạc điện tử Pentax R-2505N	Pentax R-2505N	Trung Quốc		2015	IDA	1	##########	156.136.000		156.136.000			124.908.800
15	Máy quét A3 Plustek SN 8016U	529247000083	Trung Quốc		2014	IDA	1	65.000.000	65.000.000		65.000.000			39.000.000
16	Máy quét Plustek SN8016U	52924A000512	Trung Quốc		2015	IDA	1	64.500.000	64.500.000		64.500.000			38.700.000
17	Đầu đọc mã vạch đa tia	ATS1400	Taiwan		2015	IDA	1	5.707.900	5.707.900		5.707.900			4.566.320
18	Hệ thống xếp hàng tự động	SmartQMAN	Việt Nam		2015	IDA	1	9.900.000	9.900.000		9.900.000			7.920.000
19	Máy trạm Workstation HP Z210 Workstations	HP Z210	Trung Quốc		2012	IDA	6	27.976.930	167.861.579		167.861.579			67.144.631
20	Bảng hiển thị trung tâm: QMAN-CDU-7s	QMAN-CDU-7s	Việt Nam			IDA	1	10.798.700	10.798.700		10.798.700			8.638.960
21	Bảng hiển thị tại quầy	QMAN-SDU-7s	Việt Nam			IDA	5	5.296.500	26.482.500		26.482.500			21.186.000
22	Bàn phím điều khiển tại quầy	QMAN-SCU-CB6	Việt Nam			IDA	5	4.216.300	21.081.500		21.081.500			16.865.251
23	Bàn phím bầu chọn chất lượng phục vụ	QMAN-SVU-VB6	Việt Nam		2015	IDA	5	3.187.800	15.939.000		15.939.000			12.751.200

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
24	Bộ chia tín hiệu splitter	Splitter110	Việt Nam		2015	IDA	2	4.268.000	8.536.000		8.536.000			6.828.800
25	Trạm cấp vé tự động	QMAN-TBU-M15	Việt Nam		2015	IDA	1	43.093.600	43.093.600		43.093.600			34.474.880
26	Âm thanh: Microlab X2	Microlab X2	Trung Quốc		2015	IDA	1	9.181.700	9.181.700		9.181.700			7.345.360
27	Vật tư lắp đặt		Việt Nam		2015	IDA	1	3.496.900	3.496.900		3.496.900			2.797.520
28	Hệ điiêù hành : Microsoft Windows Server 2008 R2		USA		2015	IDA	1	47.887.150	47.887.150		47.887.150			19.154.860
29	Phần mềm điều khiển hệ thống	XPSuite 1.7.3	Việt Nam		2015	IDA	1	18.481.245	18.481.245		18.481.245			14.784.996
VI	**Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Yên Mỹ**					IDA	**55**		**1.215.755.045**		**1.215.755.045**	-	-	**946.704.087**
1	Máy tính để bàn điều khiển hệ thống : FPT ELEAD T125i	T125i	Việt Nam		2015	IDA	1	15.741.000	15.741.000		15.741.000			12.592.800
2	Máy tính xách tay HP Probook	HP/D9R55AV	Trung Quốc		2015	IDA	1	31.179.500	31.179.500		31.179.500			24.943.600
3	Máy photocopy A3: Canon IR 2530	Canon/ IR 2530	Trung Quốc		2015	IDA	1	78.540.000	78.540.000		78.540.000			62.832.000

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
4	KVM Switch KL1508AM	KL1508AM	Aten/ Đài Loan		2015	IDA	1	36.700.000	36.700.000		36.700.000			29.360.000
5	Bộ lưu điện UPS cho máy chủ 3KVA	APC/ SUA3000 RMI2U	Philippines		2015	IDA	1	22.770.000	22.770.000		22.770.000			18.216.000
6	Bộ lưu điện UPS cho máy trạm	EATON/ 5E2000iUSB	Trung Quốc		2015	IDA	1	21.780.000	21.780.000		21.780.000			17.424.000
7	Điều hòa 1 chiều	LG/ S18ENA	Thái Lan		2015	IDA	2	13.695.000	27.390.000		27.390.000			21.912.000
8	Máy in A3 HP LaserJet	HP/ B6S02A	Trung Quốc		2015	IDA	1	28.710.000	28.710.000		28.710.000			22.968.000
9	Máy in A4 2 mặt	HP/ CF399A	Việt Nam		2015	IDA	1	9.729.500	9.729.500		9.729.500			7.783.600
10	Bộ chống sét qua đường điện 230V	APC/ P5B-UK	Philippines		2015	IDA	1	3.311.000	3.311.000		3.311.000			2.648.800
11	Bộ chống sét qua đường mạng	APC/ PNET1GB	Philippines		2015	IDA	1	4.081.000	4.081.000		4.081.000			3.264.800
12	Bộ chuyển mạch 24 cổng AT- X510L-28GT	AT- X510L-28GT	Allied Telesis/ Nhật, Asia		2015	IDA	1	57.950.000	57.950.000		57.950.000			46.360.000
13	Tủ Rack 42U 3C-R42B10	3C-R42B10	3C/ Việt Nam		2015	IDA	1	13.100.000	13.100.000		13.100.000			10.480.000
14	Máy chủ CSDL RX2540M1	RX2540M1	Fujitsu/ Nhật		2015	IDA	1	130.550.000	130.550.000		130.550.000			104.440.000

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
15	Máy in mã vạch	Zebra/ GX43-1025P0-000	Trung Quốc		2015	IDA	1	16.720.000	16.720.000		16.720.000			13.376.000
16	Máy quét mã vạch	Zebra/ LS1203-7AZU0100SR	Mexico		2015	IDA	1	6.666.000	6.666.000		6.666.000			5.332.800
17	Máy toàn đạc điện tử Pentax R-2505N	899910	Trung Quốc		2015	IDA	1	156.136.000	156.136.000		156.136.000			124.908.800
18	Máy quét A3 Plustek SN 8016U	529247000335	Trung Quốc		2014	IDA	1	65.000.000	65.000.000		65.000.000			39.000.000
19	Máy quét Plustek SN8016U	52924A000422	Trung Quốc		2015	IDA	1	64.500.000	64.500.000		64.500.000			38.700.000
20	Đầu đọc mã vạch đa tia	ATS1400	Taiwan		2015	IDA	1	5.707.900	5.707.900		5.707.900			4.566.320
21	Hệ thống xếp hàng tự động	SmartQMAN	Việt Nam		2015	IDA	1	9.900.000	9.900.000		9.900.000			7.920.000
22	Máy trạm Workstation: HP Z230 Tower	HP/D1P34AV	Singapore/ Trung Quốc		2015	IDA	6	28.622.000	171.732.000		171.732.000			137.385.600
23	Đầu ghi DVD lắp ngoài	Asus/ SDRW-08D2S-U lite	Trung Quốc		2015	IDA	1	3.520.000	3.520.000		3.520.000			2.816.000
24	Bảng hiển thị trung tâm: QMAN-CDU-7s	QMAN-CDU-7s	Việt Nam		2015	IDA	1	10.798.700	10.798.700		10.798.700			8.638.960
25	Bảng hiển thị tại quầy	QMAN-SDU-7s	Việt Nam		2015	IDA	5	5.296.500	26.482.500		26.482.500			21.186.000

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
26	Bàn phím điều khiển tại quầy	QMAN-SCU-CB6	Việt Nam		2015	IDA	5	4.216.300	21.081.500		21.081.500			16.865.251
27	Bàn phím bầu chọn chất lượng phục vụ	QMAN-SVU-VB6	Việt Nam		2015	IDA	5	3.187.800	15.939.000		15.939.000			12.751.200
28	Bộ chia tín hiệu splitter	Splitter110	Việt Nam		2015	IDA	2	4.268.000	8.536.000		8.536.000			6.828.800
29	Trạm cấp vé tự động	QMAN-TBU-M15	Việt Nam		2015	IDA	1	43.093.600	43.093.600		43.093.600			34.474.880
30	Âm thanh: Microlab X2	Microlab X2	Trung Quốc		2015	IDA	1	9.181.700	9.181.700		9.181.700			7.345.360
31	Vật tư lắp đặt		Việt Nam		2015	IDA	1	3.496.900	3.496.900		3.496.900			2.797.520
32	Bộ định tuyến Vigor 2925	Vigor 2925	DraTek / Đài Loan		2015	IDA	1	16.350.000	16.350.000		16.350.000			13.080.000
33	Bộ bàn ghế máy tính	HP1200SHL, SG550H	Việt Nam		2015	IDA	1	8.580.000	8.580.000		8.580.000			6.864.000
34	Hệ điều hành Windows Sever Standard	P73-06165	USA		2015	IDA	1	45.000.000	45.000.000		45.000.000			36.000.000
35	Phần mềm điều khiển hệ thống	XPSuite 1.7.3	Việt Nam		2015	IDA	1	18.481.245	18.481.245		18.481.245			14.784.996
36	Phần mềm phòng chống virus cho máy chủ + máy trạm	Kaspersky/ KES	Nga		2015	IDA	1	7.320.000	7.320.000		7.320.000			5.856.000

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
VII	**Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Khoái Châu**					IDA	**55**		**2.089.002.120**		**1.781.542.120**	-	**307.460.000**	**951.045.345**
1	Máy tính xách tay HP Probook 4431s	CNU2120N8T	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	31.348.914	31.348.914		31.348.914			12.539.565
2	Máy photocopy A3: Canon 2525	Canon IR2525	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	76.776.777	76.776.777		76.776.777			30.710.712
3	Lưu điện cho máy chủ APC Smart -UPS 3000VA	APC/ SUA3000RMI2 U	Philippines		2012	IDA	1	22.293.579	22.293.579		22.293.579			8.917.431
4	Điều hòa không khí LG S18EN1 18200 BTU	LG S18EN1	Thái Lan	2011	2012	IDA	2	13.414.632	26.829.264		26.829.264			10.731.705
5	Máy in A3 HP LaserJet 5200 printer	HP LaserJet 5200	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	28.082.304	28.082.304		28.082.304			11.232.921
6	Máy in A4 HP LaserJet P2055dn Printer	P2055dn	Trung Quốc	2011	2012	IDA	1	9.510.049	9.510.049		9.510.049			3.804.019
7	Bộ định tuyến cho Huyện Cisco 888 Router	Cisco 888 Router	Trung Quốc	2012	2012	IDA	1	16.031.785	16.031.785		16.031.785			6.412.714
8	Thiết bị chuyển mạch 24 cổng cho huyện : Cisco Catalýt 2960-S	Cisco Catalýt 2960-S	Trung Quốc	2012	2012	IDA	1	57.256.375	57.256.375		57.256.375			22.902.550

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
9	Tủ rack và thiết bị điều khiển máy chủ cho huyện		Việt Nam	2012	2012	IDA	1	59.546.630	59.546.630		59.546.630			23.818.652
10	Máy chủ cơ sở dữ liệu dự phòng cho huyện: HP ProLiant DL380	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	1	125.964.025	125.964.025		125.964.025			50.385.610
11	Máy chủ cơ sở dữ liệu cho huyện : HP ProLiant	HP ProLiant DL380	Singapore	2012	2012	IDA	1	125.964.025	125.964.025		125.964.025			50.385.610
12	Máy in mã vạch Sato CG412	Sato CG412	Việt Nam	2011	2012	IDA	1	16.353.664	16.353.664		16.353.664			6.541.565
13	Máy toàn đạc điện tử Pentax R-2505N	899920	Trung Quốc		2015	IDA	1	156.136.000	156.136.000		156.136.000			124.908.800
14	Máy quét A3 Plustek SN 8016U	529247000759	Trung Quốc		2014	IDA	1	65.000.000	65.000.000		65.000.000			39.000.000
15	Máy quét Plustek SN8016U	52924A000765	Trung Quốc		2015	IDA	1	64.500.000	64.500.000		64.500.000			38.700.000
16	Máy trạm Workstation HP Z210 Workstations	HP Z210	Trung Quốc		2012	IDA	6	27.976.930	167.861.579		167.861.579			67.144.631
17	Hệ điều hành : Microsoft Windows Server 2008 R2		USA		2012	IDA	1	47.887.150	47.887.150		47.887.150			19.154.860

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
18	Phần mềm ArcGIS Server		USRI USA		2013	IDA	1	618.600.000	618.600.000		618.600.000			247.440.000
19	Phần mềm ArcEngine		USRI USA		2013	IDA	1	12.600.000	12.600.000		12.600.000			5.040.000
20	Phần mềm SQL Server		Microsoft USA		2013	IDA	1	53.000.000	53.000.000		53.000.000			21.200.000
21	Âm thanh: Loa Microlab	Microlab X2.1	Trung Quốc		2013	NZAP	1	4.256.000	4.256.000				4.256.000	1.702.400
22	Bộ chia tín hiệu Splitter110	Splitter110	Việt Nam		2013	NZAP	2	5.168.500	10.337.000				10.337.000	4.134.800
23	Bảng hiển thị tại quầy: QMAN-SDU	QMAN-SDU	Việt Nam		2013	NZAP	5	6.402.000	32.010.000				32.010.000	12.804.000
24	Bảng hiển thị trung tâm: QMAN-CDU210	QMAN-CDU210	Việt Nam		2013	NZAP	1	13.298.000	13.298.000				13.298.000	5.319.200
25	Bình nước uống		Việt Nam		2013	NZAP	1	5.000.000	5.000.000				5.000.000	3.125.000
26	Bàn phím điều khiển tại quầy: QMAN-SCU	QMAN-SCU	Việt Nam		2013	NZAP	5	5.119.200	25.596.000				25.596.000	10.238.400
27	Bàn phím bầu chọn chất lượng phục vụ: QMAN-VCU	QMAN-VCU	Việt Nam		2013	NZAP	5	3.824.000	19.120.000				19.120.000	7.648.000
28	Đầu đọc mã vạc đa tia ATS 1400	ATS 1400	Taiwan		2013	NZAP	1	6.883.000	6.883.000				6.883.000	2.753.200

STT	Tài sản	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại tính đến 31/12/2017 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
29	Máy tính để bàn FPT ELEAD	ELEAD	Việt Nam		2013	NZAP	1	12.089.000	12.089.000				12.089.000	4.835.600
30	Trạm cấp vé tự động BTU 24	BTU 24	Việt Nam		2013	NZAP	1	51.932.000	51.932.000				51.932.000	20.772.800
31	Ghế ngồi chờ 4 chỗ mặt thép		Việt Nam		2013	NZAP	1	5.000.000	5.000.000				5.000.000	3.125.000
32	Quầy giao dịch		Việt Nam		2013	NZAP	1	30.000.000	30.000.000				30.000.000	18.750.000
33	Tủ đựng tài liệu loại tủ sắt cánh kính		Việt Nam		2013	NZAP	1	9.600.000	9.600.000				9.600.000	6.000.000
34	Tủ đựng tài liệu loại thấp		Việt Nam		2013	NZAP	1	12.000.000	12.000.000				12.000.000	7.500.000
35	Giá treo bản đồ		Việt Nam		2013	NZAP	1	58.800.000	58.800.000				58.800.000	36.750.000
36	Phần mềm điều khiển XPSuite 1.4.1	XPSuite 1.4.1	Việt Nam		2013	NZAP	1	11.539.000	11.539.000				11.539.000	4.615.600
	TỔNG CỘNG								**12.578.558.439**		**12.271.098.439**	-	**307.460.000**	**6.744.303.971**

Phụ lục số 04

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (KHÔNG PHẢI LÀ NHÀ, ĐẤT, XE Ô TÔ)
GIAO CHO ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN CÓ TRIỂN KHAI DỰ ÁN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 2032 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
I	**Các xã, phường thuộc thành Phố Hưng Yên**								**429.587.658**		**429.587.658**	-	-	**150.777.148**
1	**Xã Hồng Nam**													
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	29.564.148	29.564.148		29.564.148			17.738.488
2	**Xã Trung Nghĩa**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	29.564.148	29.564.148		29.564.148			17.738.488
3	**Phường Quang Trung**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	29.564.148	29.564.148		29.564.148			17.738.488
4	**Phường Lê Lợi**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	29.564.148	29.564.148		29.564.148			17.738.488
5	**Phường Hồng Châu**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	29.564.148	29.564.148		29.564.148			17.738.488
6	**Phường Minh Khai**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
7	**Xã Liên Phương**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	29.564.148	29.564.148		29.564.148			17.738.488
8	**Phường Hiến Nam**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
9	**Phường Lam Sơn**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
10	**Xã Quảng Châu**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
11	**Phường An Tảo**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
12	**Xã Bảo Khê**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
II	**Các xã thuộc huyện Kim Động**								**533.591.558**		**533.591.558**	-	-	**150.777.148**
1	**Xã Phú Thịnh**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
2	**Xã Đồng Thanh**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
3	**Xã Mai Động**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
4	**Xã Nhân La**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
5	**Xã Hùng An**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
6	**Thị Trấn Lương Bằng**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
7	**Xã Ngọc Thanh**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
8	**Xã Toàn Thắng**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
9	**Xã Song Mai**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
10	**Xã Thọ Vinh**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
11	**Xã Vũ Xá**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
12	**Xã Chính Nghĩa**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
13	**Xã Vĩnh Xá**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
14	**Xã Hiệp Cường**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
15	**Xã Đức Hợp**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
16	**Xã Phạm Ngũ Lão**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
17	**Xã Hùng Cường**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
18	**Xã Nghĩa Dân**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
19	**Xã Phú Cường**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
III	**Các xã thuộc huyện Phù Cừ**								**414.956.836**		**414.956.836**	-	-	**124.169.416**
1	**Xã Tống Phan**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
2	**Xã Tam Đa**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
3	**Xã Tống Trân**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
4	**Xã Minh Tiến**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
5	**Xã Nhật Quang**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
6	**Xã Quang Hưng**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
7	**Xã Đình Cao**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
8	**Xã Minh Tân**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
9	**Xã Đoàn Đào**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
10	**Xã Minh Hoàng**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
11	**Xã Tiên Tiến**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
12	**Thị Trấn Trần Cao**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
13	**Xã Phan Sào Nam**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
14	**Xã Nguyên Hòa**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
IV	**Các xã thuộc huyện Tiên Lữ**								**489.169.710**		**489.169.710**	-	-	**133.038.660**
1	**Xã Hưng Đạo**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
2	**Xã Tân Hưng**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
3	**Xã Phương Chiểu**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
4	**Thị Trấn Vương**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
5	**Xã Thiện Phiến**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
6	**Xã Cương Chính**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
7	**Xã An Viên**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
8	**Xã Ngô Quyền**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
9	**Xã Đức Thắng**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
10	**Xã Thụy Lôi**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
11	**Xã Lệ Xá**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
12	**Xã Thủ Sỹ**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
13	**Xã Minh Phượng**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
14	**Xã Dị Chế**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
15	**Xã Hoàng Hanh**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
16	**Xã Trung Dũng**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
17	**Xã Nhật Tân**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
18	**Xã Hải Triều**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
V	**Các xã thuộc huyện Yên Mỹ**								**690.796.258**		**690.796.258**	-	-	**414.477.748**
1	**Xã Giai Phạm**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
2	**Xã Nghĩa Hiệp**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
3	**Xã Liêu Xá**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
4	**Xã Tân Lập**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
5	**Xã Thị trấn Yên Mỹ**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
6	**Xã Trung Hưng**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
7	**Xã Minh Châu**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
8	**Xã Yên Hòa**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
9	**Xã Yên Phú**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
10	**Xã Hoàng Long**								-					

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
11	**Xã Đồng Than**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
12	**Xã Ngọc Long**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
13	**Xã Trung Hòa**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
14	**Xã Tân Việt**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
15	**Xã Lý Thường Kiệt**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
16	**Xã Việt Cường**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
17	**Xã Thanh Long**								-					
	Máy tính để bàn Dell Optipllex				2014	IDA	1	25.853.000	25.853.000		25.853.000			15.511.800
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
VI	**Các xã thuộc huyện Khoái Châu**								**740.994.350**		**740.994.350**	-	-	**221.731.100**
1	**Xã Đại Hưng**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
2	**Xã Chí Tân**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
3	**Xã Thuần Hưng**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
4	**Xã Dạ Trạch**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
5	**Xã Dân Tiến**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
6	**Xã Đại Tập**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
7	**Xã Việt Hòa**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
8	**Xã Phùng Hưng**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
9	**Xã Tân Châu**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
10	**Xã Đông Kết**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
11	**Xã Hồng Tiến**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
12	**Xã Bình Kiều**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
13	**Xã Bình Minh**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
14	**Xã Nhuế Dương**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
15	**Xã Đồng Tiến**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
16	**Xã Đông Ninh**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
17	**Xã Đông Tảo**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
18	**Xã Tân Dân**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
19	**Xã Thành Công**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
20	**Xã Liên Khê**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
21	**Xã An Vĩ**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
22	**Xã Tứ Dân**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
23	**Thị Trấn Khoái Châu**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
24	**Xã Hàm Tử**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-

STT	Tài sản	Ký Hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành tài sản	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng)	Nguyên giá (đồng)					Giá trị còn lại đến 31/12/2015 (đồng)
									Tổng cộng	Trong đó				
										Nguồn NS	Nguồn ODA	Nguồn viện trợ phi CP	Nguồn khác	
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
25	**Xã Ông Đình**								-					
	Máy tính để bàn CMS	CMS Powercom	Việt Nam	2011	2011	IDA	1	14.857.700	14.857.700		14.857.700			-
	Máy in A3 Fujixerox Pocuprint	DocuPrint 3055	Nhật		2014	IDA	1	14.782.074	14.782.074		14.782.074			8.869.244
	TỔNG CỘNG								**3.299.096.370**		**3.299.096.370**	-	-	**1.194.971.220**